TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 966/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 1219/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1986;

Địa chỉ thường trú: Tổ D, ấp A, xã S, thành phố Đ

Nơi ở hiện tại: Khu phố L, phường T, thành phố Đ.

Căn cước số: 075086009144, ngày cấp: 01/3/2026; Nơi cấp: Bộ C.

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1990;

Địa chỉ thường trú: Tổ D, ấp A, xã S, thành phố Đ.

Nơi ở hiện tại: Khu phố L, phường T, thành phố Đ.

Căn cước công dân số: 037190010470, ngày cấp: 19/01/2022; Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn số 37 năm 2013; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai (cũ) nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, lúc đầu hạnh phúc, về sau hai người không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng,

đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn là có căn cứ.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Phạm Ngọc B, sinh ngày 05/07/2014; Nguyễn Phạm Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2019. Sau khi ly hôn, ông T và bà L thống nhất giao cháu Ngọc B cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Quỳnh A cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị L tự nguyện chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Ngọc B, sinh ngày 05/07/2014 cho bà Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Nguyễn Phạm Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2019 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011458 ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV1-ĐN;
- Phòng THADS KV1-ĐN;
- Nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Mẫu 31-VDS

THẨM PHÁN

Phạm Phú Tra